

TẬP ĐOÀN VINGROUP- CÔNG TY CP

Số : 669/2017/CV-VGR

V/v: Giải trình chênh lệch báo cáo tài chính riêng và hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

2003

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2017

GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG, HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ NĂM 2017

Kính gửi :

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ theo khoản 4, điều 11, chương III, Thông tư 155/2015/TT-BTC, ban hành ngày 06/10/2015 và có hiệu lực từ ngày 1/1/2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tập đoàn Vingroup - Công ty CP (“Tập đoàn”) xin được giải trình các trường hợp sau:

1. Lợi nhuận sau thuế TNDN thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016	Chênh lệch	% tăng/ (giảm)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN báo cáo riêng	1.652.632.835.949	1.346.236.349.068	306.396.486.881	23%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN báo cáo hợp nhất	1.860.987.131.008	2.867.902.811.962	(1.006.915.680.954)	(35%)

- Lợi nhuận sau thuế TNDN báo cáo riêng của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính 6 tháng đầu năm tăng 23% so với cùng kỳ năm 2016 chủ yếu là tăng lợi nhuận từ chuyển nhượng bất động sản theo đặc thù của ngành kinh doanh bất động sản là ghi nhận doanh thu, lợi nhuận khi bàn giao.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN báo cáo hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính 6 tháng đầu năm giảm 35% so với cùng kỳ năm 2016 chủ yếu là do giảm lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính và chuyển nhượng công ty con.

2. Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét có sự chênh lệch từ 5% trở lên

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Số kiểm toán	Chưa kiểm toán	Chênh lệch	% tăng/ (giảm)
I	Báo cáo riêng				
	Doanh thu hoạt động tài chính	2.416.834.935.625	832.130.102.269	1.584.704.833.356	190%
	Chi phí tài chính	1.698.710.968.899	1.405.534.736.224	293.176.232.675	21%
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	77.594.410.243	184.201.552.024	(106.607.141.781)	-58%
	Lợi nhuận sau thuế TNDN báo cáo riêng	1.652.632.835.949	244.241.706.026	1.408.391.129.923	577%
II	Báo cáo hợp nhất				
1	Các khoản giảm trừ doanh thu	60,397,408,286	87,890,011,989	(27,492,603,703)	-31%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	690,083,535,945	723,261,538,557	(33,178,002,612)	-5%
3	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	15,294,039,890	1,160,336,248	14,133,703,642	1218%
4	Chi phí bán hàng	4,073,420,464,347	4,295,382,654,993	(221,962,190,646)	-5%
5	Thu nhập khác	134,516,694,454	214,015,364,379	(79,498,669,925)	-37%
6	Chi phí khác	157,922,259,221	266,225,727,790	(108,303,468,569)	-41%
7	Lợi nhuận/(lỗ) khác	(23,405,564,767)	(52,210,363,411)	28,804,798,644	-55%
8	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(281,180,616,097)	(92,963,128,364)	(188,217,487,733)	202%
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1,860,987,131,008	1,609,764,856,183	251,222,274,825	16%
10	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	1,715,038,095,979	2,054,086,709,576	(339,048,613,597)	-17%
11	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	145,949,035,029	(444,321,853,393)	590,270,888,422	-133%

• Báo cáo riêng

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng là do Công ty ghi nhận thêm khoản cổ tức được chia từ công ty con.
- Chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng/(giảm) là do Công ty trích lập dự phòng khoản đặt cọc đầu tư và thực hiện phân loại khoản chi phí phát sinh do sáp nhập Công ty con .
- Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng do các nguyên nhân trên.



(Handwritten signature)

- **Báo cáo hợp nhất**

- Các khoản giảm trừ doanh thu, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí bán hàng, thu nhập khác, chi phí khác tăng/giảm chủ yếu do phân loại lại giữa các dòng doanh thu, chi phí trên Bảng kết quả kinh doanh.
- Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết tăng 14 tỷ đồng do cập nhật báo cáo tài chính của các công ty liên kết tại thời điểm lập báo cáo kiểm toán.
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tăng chủ yếu do hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại phải trả do giảm các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ.
- Lợi nhuận/(lỗ) khác và Lợi nhuận sau thuế TNDN giảm/tăng do các nguyên nhân trên.
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát giảm/tăng chủ yếu do thực hiện phân bổ lại phần lợi nhuận cổ đông không kiểm soát được hưởng.

TẬP ĐOÀN VINGROUP - CÔNG TY CP

TỔNG GIÁM ĐỐC

